

TRƯỜNG TIÊN TIẾN, THEO XU THẾ HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ (QUYẾT ĐỊNH 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014)

Xem công văn
1947/GDDT-
GDCN&ĐH
ngày
24/6/2015

CÔNG BÁO: Số 38/ Ngày 01-7-2014

39

PHIÊN VĂN BẢN KIẾC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Công văn
1737 /GDDT-
GDCN&ĐH
ngày
08/6/2015

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 3036/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về tiêu chí Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực
và quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường mầm non; Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học; Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục thường xuyên; Thông tư số 54/2011/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường cao đẳng;

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 1737 /GDDT-GDCN&ĐH

Về thang điểm đánh giá tiêu chí trường
tiên tiến bậc Cao đẳng và TCCN theo quyết định
số 3036/QĐ-UBND của UBND thành phố

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 6 năm 2015

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường Cao đẳng công lập trực thuộc và tư thực trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Hiệu trưởng các trường TCCN công lập trực thuộc và tư thực trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh,

Căn cứ Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 06 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tiêu chí Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành thang điểm đánh giá tiêu chí Trường tiên tiến bậc Cao đẳng và TCCN với các nội dung cụ thể như sau:

I. THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thang điểm đánh giá các tiêu chí là thang điểm 7, trong đó:

1 = Chưa có hoặc không có (văn bản, kế hoạch, biên bản họp...)

2 = Có kế hoạch (có văn bản tờ trình, có kế hoạch, biên bản, có công văn đồng ý thực hiện...)

3 = Có triển khai xây dựng (có tiến độ thực hiện, hợp đồng, danh mục, dự toán công trình, kinh phí cấp, kế hoạch triển khai, văn bản nghiệm thu công trình...)

4 = Đang sử dụng – vận hành, thỏa mãn yêu cầu của tiêu chí (hình ảnh, văn bản hoàn công – bàn giao, số liệu khảo sát – thống kê,...)

5 =

6 =

7 =

Đạt trên yêu cầu của tiêu chí trường tiên tiến

II. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRƯỜNG TIÊN TIẾN

Trường được công nhận là trường tiên tiến khi điểm trung bình các tiêu chí đạt từ 4.0 và không có tiêu chí nào có điểm dưới 4



HỘI NGHỊ
TRIỂN KHAI VĂN BẢN ĐÁNH GIÁ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG TIÊN TIẾN THEO
XU THẾ HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ
QUỐC TẾ

TS. Vương Lập Bình

- *Giám đốc Trung tâm Chất lượng Quốc tế*
- *Kiểm định viên Kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
DEPARTMENT OF EDUCATION
TESTING AND ACCREDITATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THẺ KIỂM ĐỊNH VIÊN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
(EDUCATION ACCREDITOR)



Số/Number:.....2014.1.012.....

Họ, tên/Full Name: Vương Lập Bình

Ngày sinh/Date of Birth: 16/7/1974

Quê quán/Home Town: TP. Hồ Chí Minh

Hà Nội, ngày/date 20 tháng/month 10 năm/year

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

Mai Văn Trinh

Có giá trị đến/Date of expiry
20/10/2019

Quyết định
số 81/QĐ-
KTKĐCL
GD ngày
20/10/2014
của Cục
Khảo thí
và Kiểm
định chất
lượng
giáo dục



CHUYÊN ĐỀ:

HỆ THỐNG
KIỂM ĐỊNH VÀ
ISO



KIỂM ĐỊNH

Đánh giá

Công
nhận

Trường
(hoạt động quản lý)

Chương trình
(ngành học)

Trong nước

Quốc tế

Trong nước

Quốc tế

Theo đơn vị (số
lượng) CT đào tạo

KIỂM ĐỊNH

KIỂM ĐỊNH TRƯỜNG



QĐ 3036:

- 8 tiêu chuẩn
- 29 tiêu chí



Cấp đại học: 06VBHN

- 10 Tiêu chuẩn
- 61 tiêu chí



Cấp cao đẳng 08VBHN

- 10 tiêu chuẩn
- 55 tiêu chí



Cấp TCCN: 07VBHN

- 10 tiêu chuẩn
- 56 tiêu chí

- Tiêu chuẩn 1: Quản trị nhà trường
- Tiêu chuẩn 2: Ngành đào tạo và chương trình đào tạo
- Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ giảng viên
- Tiêu chí 4: Sinh viên
- Tiêu chuẩn 5: Cơ sở vật chất – Trang thiết bị
- Tiêu chuẩn 6: Tài chính và quản lý tài chính
- Tiêu chuẩn 7: Hoạt động nghiên cứu khoa học
- Tiêu chuẩn 8: Quan hệ hợp tác

Cấp đại học: 06VBHN



- Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học
- Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý
- Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo
- Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo
- Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên
- Tiêu chuẩn 6: Người học
- Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ
- Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế
- Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác
- Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

Cấp cao đẳng 08VBHN



- Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường cao đẳng
- Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý
- Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo
- Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo
- Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên
- Tiêu chuẩn 6: Người học
- Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ
- Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác
- Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính
- Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa nhà trường và xã hội

Cấp TCCN: 07VBHN



- Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của trường trung cấp chuyên nghiệp
- Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý
- Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo
- Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo
- Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên
- Tiêu chuẩn 6: Người học
- Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế
- Tiêu chuẩn 8: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác
- Tiêu chuẩn 9: Tài chính và quản lý tài chính
- Tiêu chuẩn 10: Quan hệ giữa nhà trường và xã hội

MÔ HÌNH TRƯỜNG TIÊN TIẾN



Tiêu chuẩn 1:
Quản trị nhà trường

Tiêu chuẩn 2: Ngành đào tạo và chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 3:
Đội ngũ giảng viên

Tiêu chí 4: Sinh viên

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở vật chất – Trang thiết bị

Tiêu chuẩn 6: Tài chính và quản lý tài chính

Tiêu chuẩn 7: Hoạt động nghiên cứu khoa học

Tiêu chuẩn 8:
Quan hệ hợp tác

PHẢI THỂ HIỆN THẬT RÕ TRONG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT



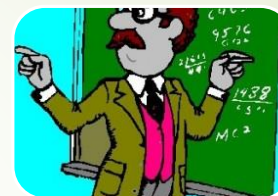
1. Kết quả học tập dự kiến



2. Bảng mô tả chương trình đào tạo



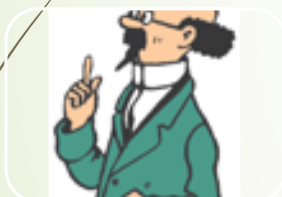
3. Nội dung và cấu trúc chương trình



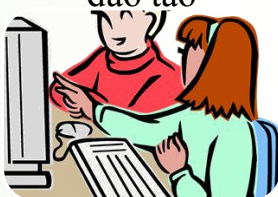
4. Chiến lược dạy và học



5. Đánh giá giảng viên



6. Chất lượng đội ngũ giảng viên



7. Chất lượng đội ngũ hỗ trợ



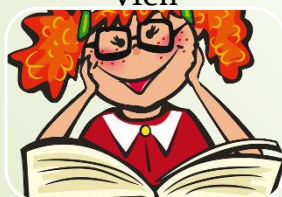
8. Chất lượng sinh viên



9. Tư vấn và hỗ trợ sinh viên



10. Cơ sở vật chất và trang thiết bị



11. Quá trình đảm bảo chất lượng dạy và học



12. Hoạt động phát triển đội ngũ



13. Phản hồi của các bên liên quan



14. Đầu ra



15. Sự hài lòng của các bên liên quan

AUN-QA

Tiêu chuẩn 1: kết quả học tập dự kiến

Tiêu chuẩn 2:

Mô tả chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 3:
Nội dung và cấu trúc chương trình

Tiêu chuẩn 4:
Chiến lược giảng dạy và học tập

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá sinh viên

Tiêu chuẩn 6:
Chất lượng đội ngũ CB giảng dạy

Tiêu chuẩn 7:
Chất lượng cán bộ hỗ trợ

Tiêu chuẩn 8:
Chất lượng sinh viên

Tiêu chuẩn 9:
Hỗ trợ và tư vấn sinh viên

Tiêu chuẩn 10:
Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng

Tiêu chuẩn 11:
Đảm bảo QT giảng dạy và học tập

Tiêu chuẩn 12:
Hoạt động phát triển đội ngũ

Tiêu chuẩn 13: Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

Tiêu chuẩn 14: Đầu ra

Tiêu chuẩn 15:
Sự hài lòng của các bên liên quan

VIỆT NAM

Tiêu chuẩn 1:
Mục tiêu và chuẩn đầu ra

Tiêu chuẩn 2:
Chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 3:
Hoạt động đào tạo

Tiêu chuẩn 4: Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia chương trình

Tiêu chuẩn 5: Người học và công tác hỗ trợ người học

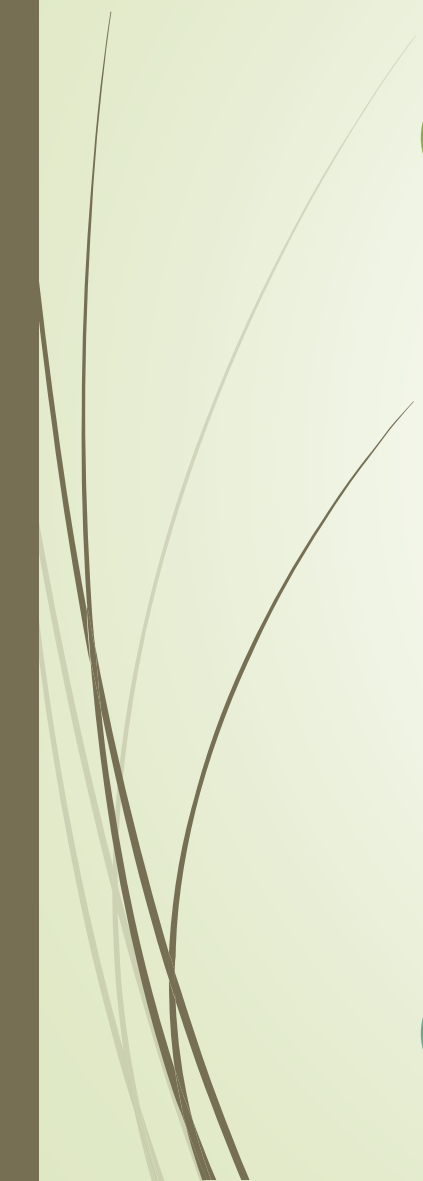
Tiêu chuẩn 6: Cơ sở vật chất phục vụ chương trình

Tiêu chuẩn 7: Công tác tài chính phục vụ chương trình

Tiêu chuẩn 8: Công tác đánh giá người tốt nghiệp và hoạt động tư vấn việc làm



Bộ tiêu chuẩn ABET²



Sinh viên (Students)



Mục tiêu đào tạo (Program Educational Objectives)



Khả năng sinh viên (Student Outcomes)



Liên tục cải thiện (Continuous improvement)



Chương trình đào tạo (Curriculum)



Ban giảng huấn (Faculty)



Cơ sở vật chất (Facilities)

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Người học

Nhà tuyển dụng

Các bên liên quan

Các yêu cầu

Chuẩn đầu vào

Đầu vào



Chuẩn đầu ra

Đầu ra

Ngành đào tạo

Nhu cầu của xã hội

Sự hài lòng

MÔ HÌNH
HỆ THỐNG QUẢN LÝ (ĐẢM BẢO) CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN ISO 9001:2008



HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN

NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG GIỮA CÁC MÔ HÌNH & HỆ THỐNG



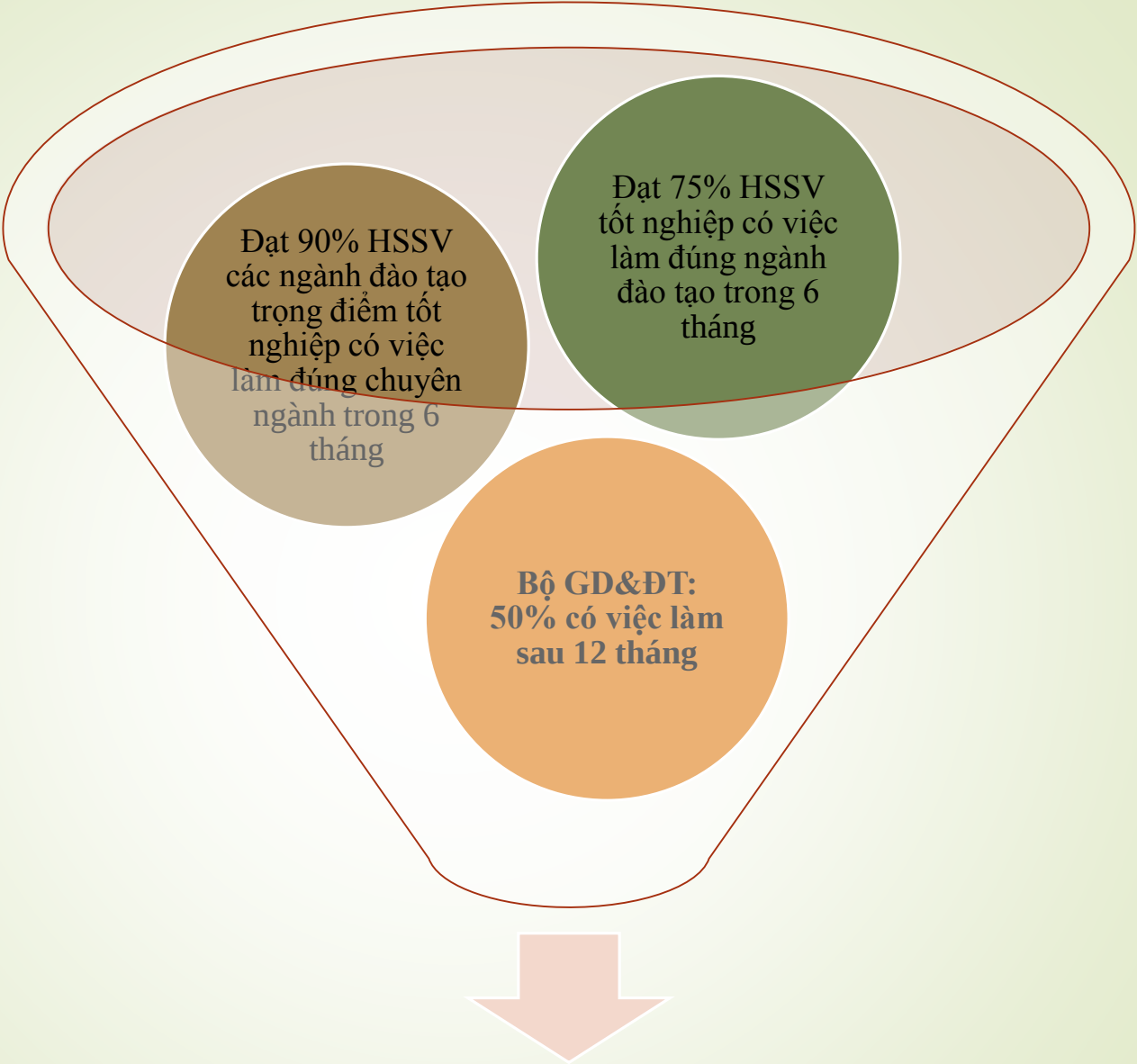
VĂN BẢN HỢP NHẤT 07 & 08/VBHN-BGDĐT

Sự đáp ứng
mục tiêu do
nhà trường
đề ra

Phù hợp với yêu
cầu đào tạo
nguồn nhân lực
cho sự phát triển
kinh tế - xã hội
của địa phương
và của ngành.

Đảm bảo các
yêu cầu về
mục tiêu giáo
dục đại học
trình độ cao
đẳng của Luật
giáo dục

QUY ĐỊNH
Về tiêu
chuẩn đánh
giá chất
lượng giáo
dục trường
cao đẳng &
TCCN



Đạt 90% HSSV
các ngành đào tạo
trọng điểm tốt
nghiep có việc
làm đúng chuyên
ngành trong 6
tháng

Đạt 75% HSSV
tốt nghiệp có việc
làm đúng ngành
đào tạo trong 6
tháng

Bộ GD&ĐT:
50% có việc làm
sau 12 tháng

**VẬY CHẤT LƯỢNG ‘SẢN PHẨM’
CỦA TRƯỜNG TA THẾ NÀO?**

**Ngày 20/7, Viện Khoa học Lao động và Xã hội
công bố bản tin cập nhật thị trường lao động quý
I/2015**

**Trong 3 tháng đầu
năm, cả nước có
hơn 1,1 triệu
người thất
nghiệp, tăng
114.000 người so
với cùng kỳ năm
2014.**

**Số lao động trình
độ **đại học, sau
đại học** thất
nghiệp tăng từ
hơn 162.000 lên
gần 178.000
người;**

**Lao động tốt
nghiệp **cao đẳng**
thất nghiệp tăng
từ 79.000 người
lên hơn 100.000;**

**Lao động không
có bằng cấp từ
gần 630.000 lên
726.000.**

**Ngày 20/7, Viện Khoa học Lao động và Xã hội công bố
bản tin cập nhật thị trường lao động quý I/2015**



**Gần 178.000
cử nhân, thạc
sĩ thất nghiệp**

1,1 triệu lao động thất nghiệp trong 3 tháng đầu năm 2015



Lao động tốt nghiệp
cao đẳng thất nghiệp
tăng từ 79.000 người
lên hơn 100.000;

**Ngày 20/7, Viện Khoa học Lao động và Xã hội công bố
bản tin cập nhật thị trường lao động quý I/2015**



Tỷ lệ thất nghiệp cao nhất
nằm ở nhóm có trình độ
cao đẳng chuyên nghiệp
và cao đẳng nghề, tương
ứng là 7,2% và gần 6,9%.

BẮT BUỘC PHẢI KHẢO SÁT



Tại hội thảo về chất lượng giáo dục, TGD Saigontourist, ông Nguyễn Hữu Thọ, nhận xét:
“SV tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ khi tới phỏng vấn tại công ty chúng tôi, hầu hết các bạn bị “câm” 50% và “điếc” 40%”...

👉 **Khảo sát HSSV**

😊 **Khảo sát cơ sở sử dụng lao động**

✌️ **Phối hợp chức năng – nhiệm vụ với Phòng QH, HT & NCPT**

👍 **Đánh giá chất lượng đầu ra**

☎️ **Cung cấp thông tin yêu cầu đầu vào**

✉️ **Cầu nối giữa nhà trường với xã hội và HSSV**

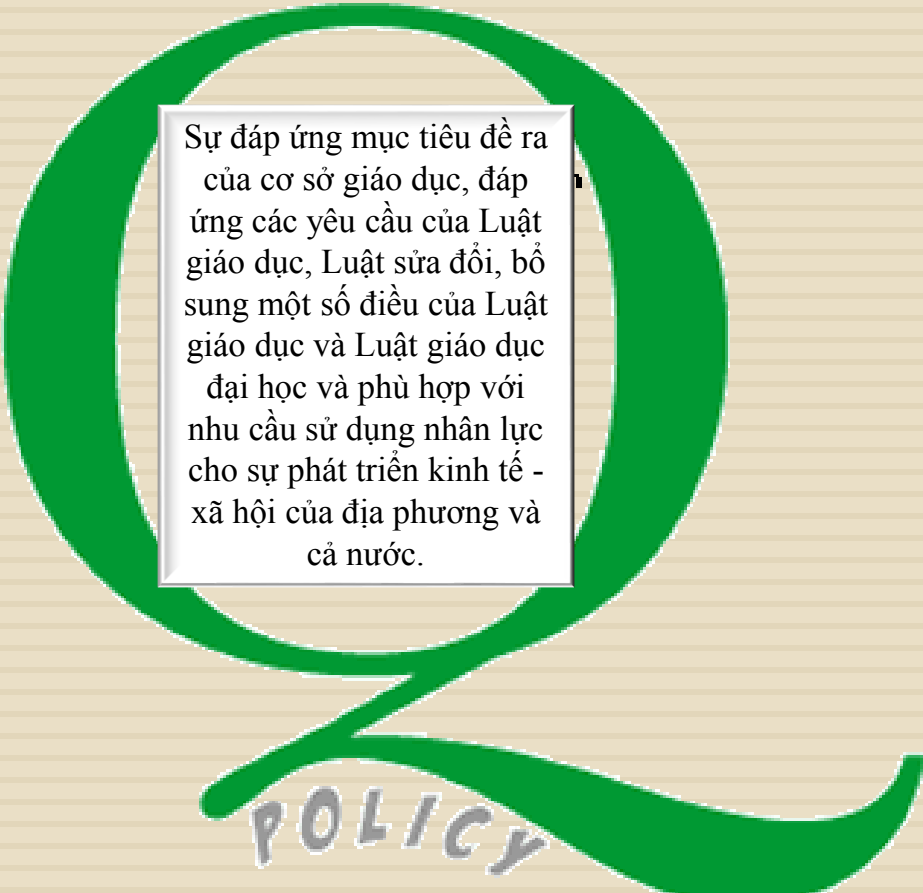
👉 **Tư vấn và hỗ trợ sinh viên**



**TRUNG TÂM
HỖ TRỢ HỌC SINH
- SINH VIÊN**

TẠO RA CHẤT LƯỢNG

‘SẢN PHẨM’ CÓ CHẤT LƯỢNG



Sự đáp ứng mục tiêu đề ra của cơ sở giáo dục, đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học và phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

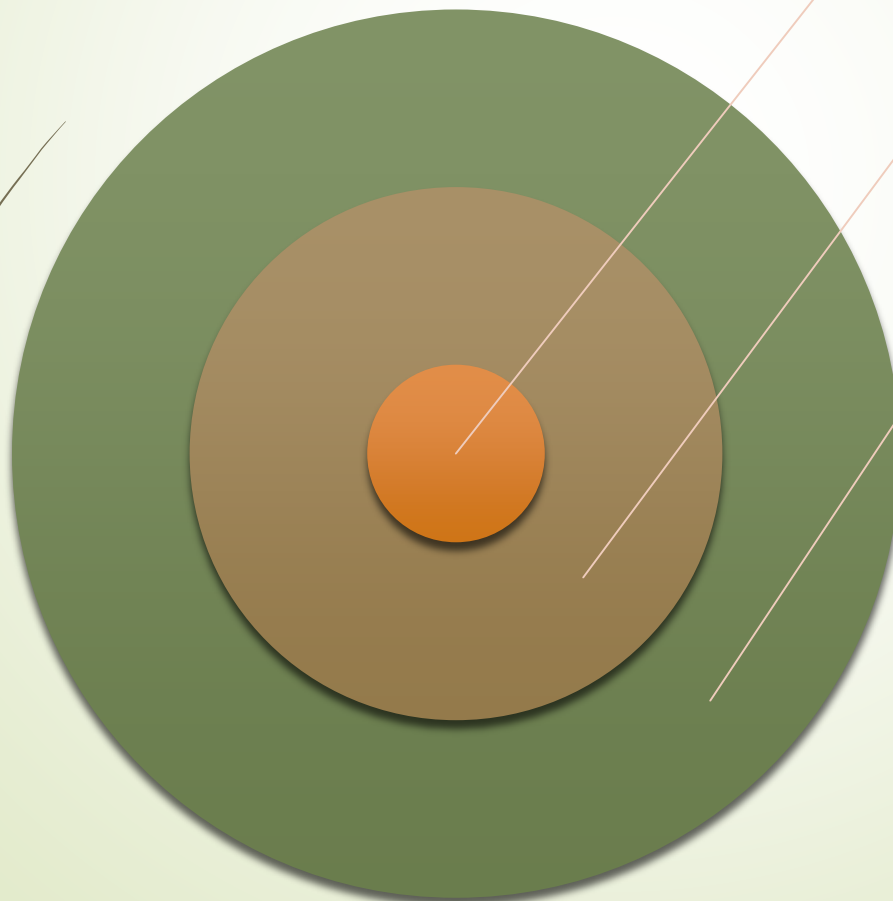
- ❑ Con người
- ❑ Bộ máy
- ❑ Cơ sở vật chất
- ❑ Tài chính
- ❑ Văn bản
- ❑ Thực thi
- ❑ Kiểm tra/soát

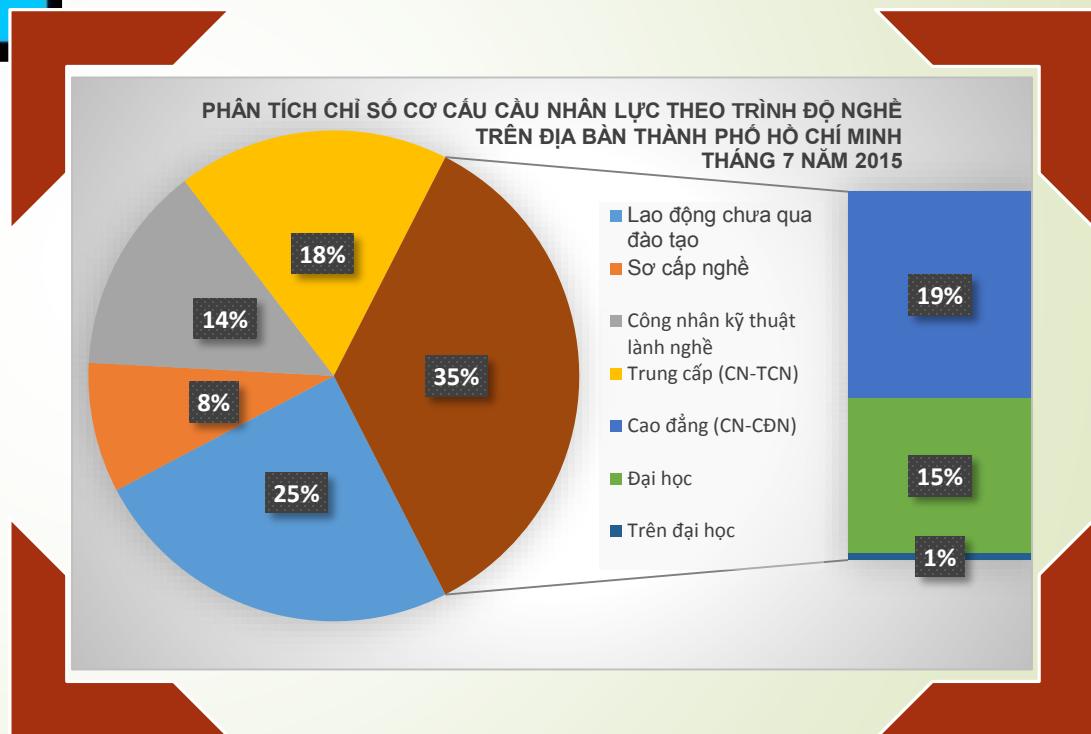
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Sự đáp ứng mục tiêu đề ra của cơ sở giáo dục

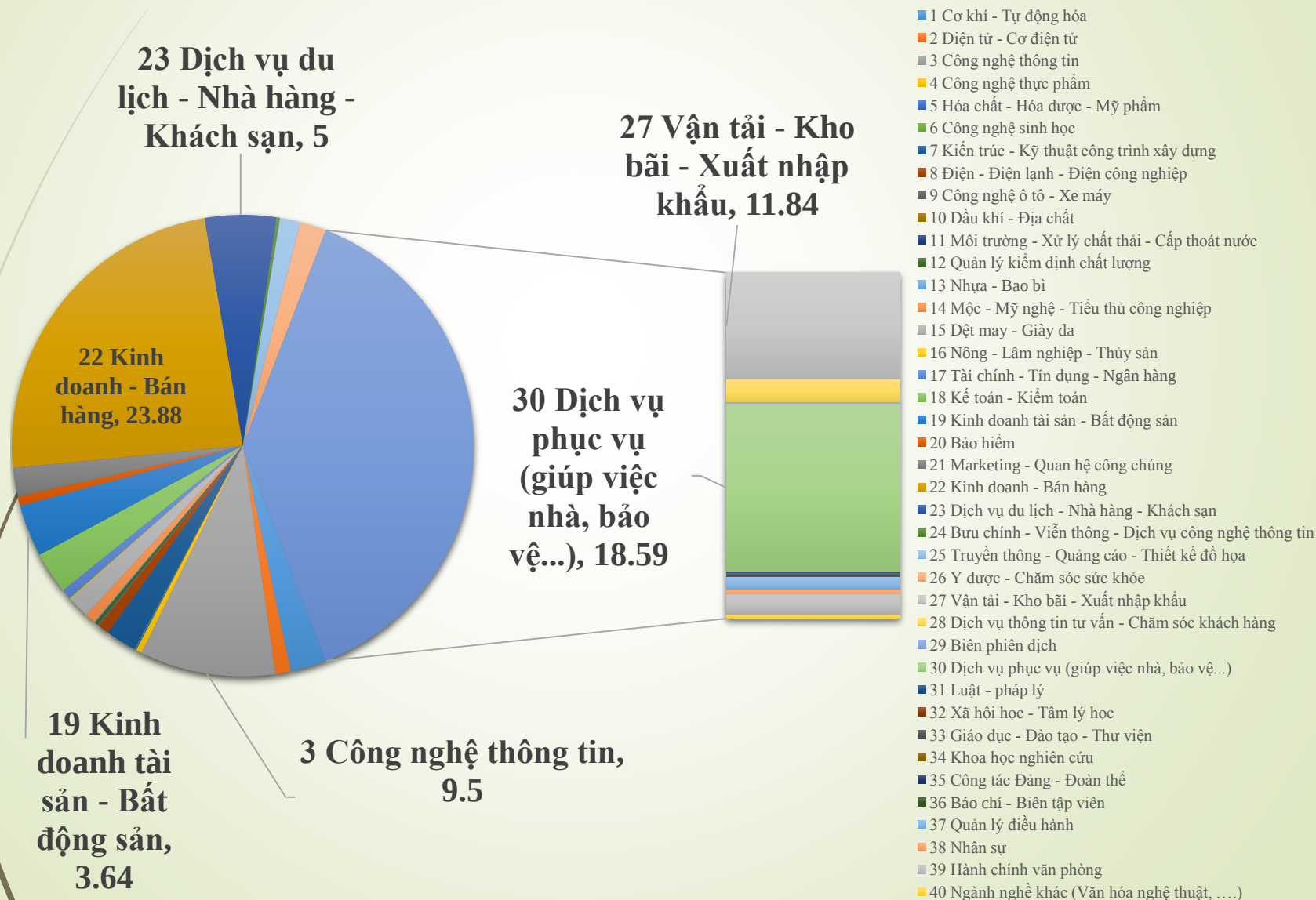
Đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học

Phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.





Phòng Phân Tích Dự Báo “Cầu nhân lực” tại TP.HCM - THÁNG 7 NĂM 2015

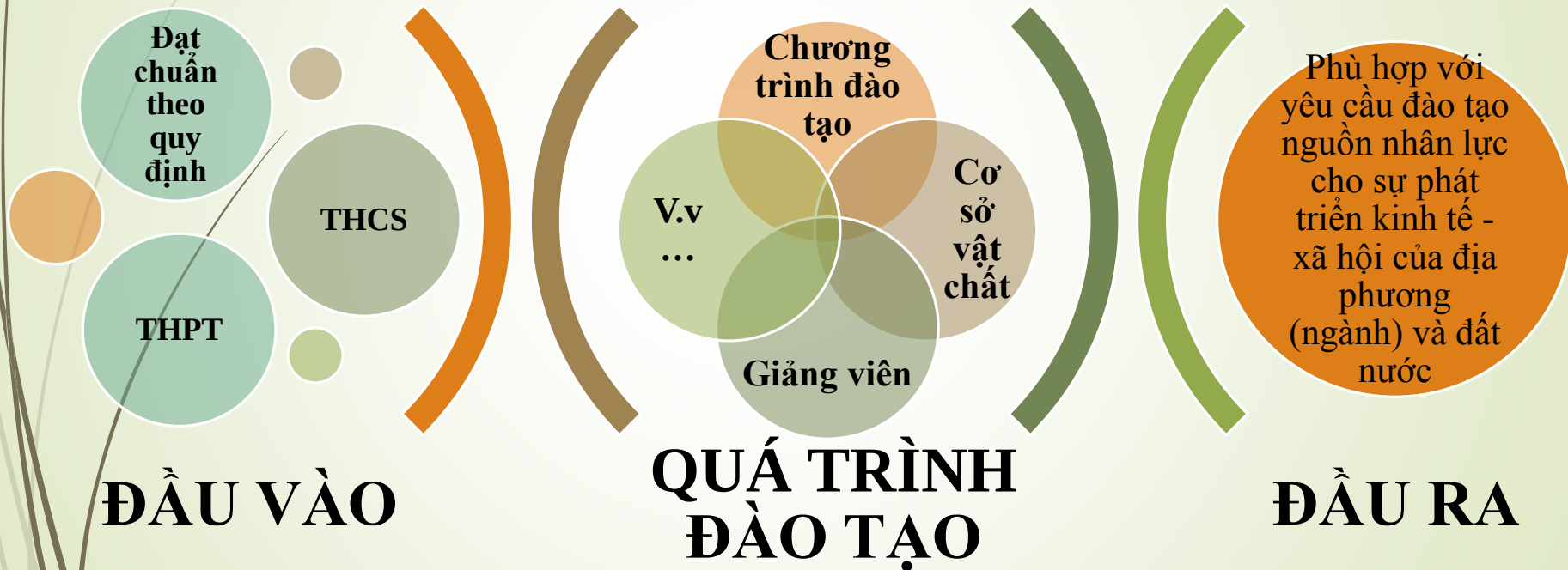


MÔ HÌNH
HỆ THỐNG QUẢN LÝ (ĐẢM BẢO) CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN ISO 9001:2008



HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN

QUÁ TRÌNH TẠO RA GIÁ TRỊ GIA TĂNG



Sản phẩm

TRUNG CẤP
CHUYÊN
NGHIỆP

CAO
ĐẲNG

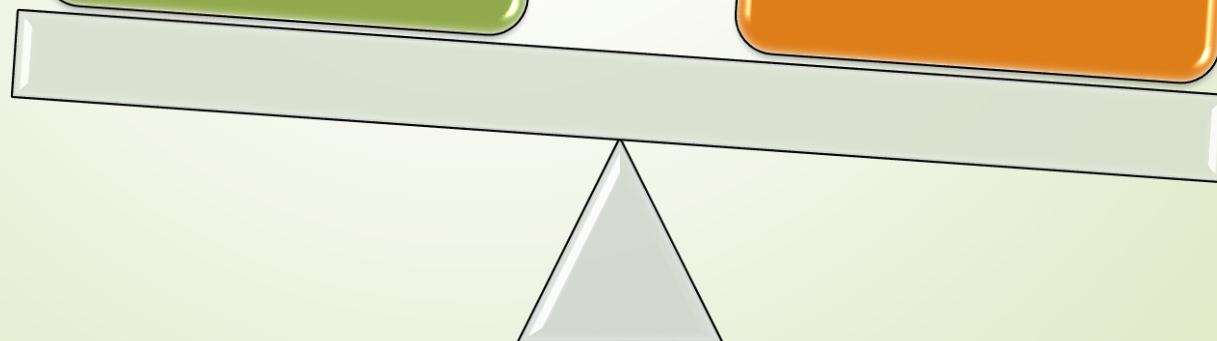
Trung cấp
chuyên nghiệp
chính quy

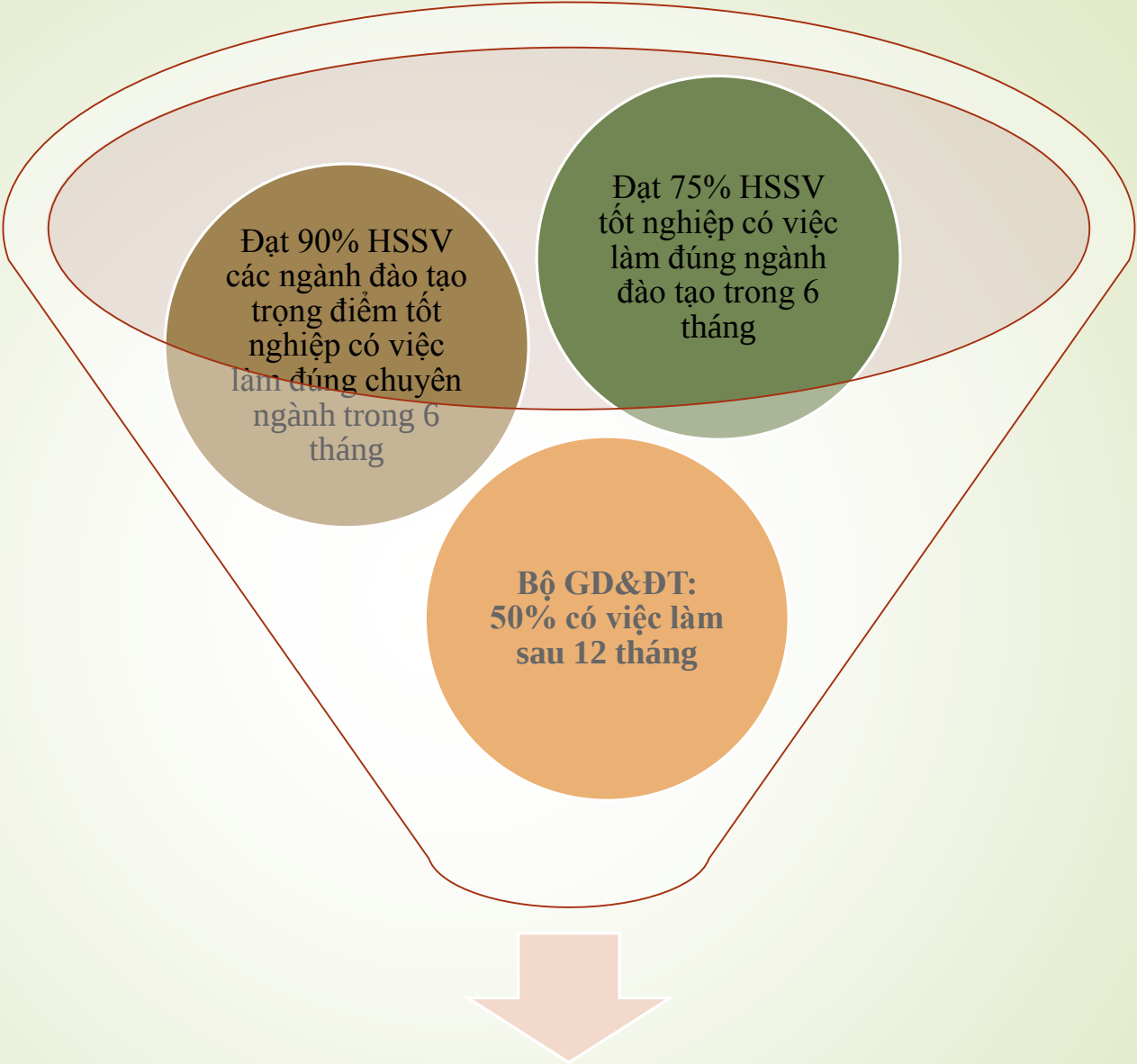
Trung cấp chuyên
nghệ vừa làm
vừa học

Cao đẳng
chính quy

Cao đẳng
liên thông

...





Đạt 90% HSSV
các ngành đào tạo
trọng điểm tốt
nghiep có việc
làm đúng chuyên
ngành trong 6
tháng

Đạt 75% HSSV
tốt nghiệp có việc
làm đúng ngành
đào tạo trong 6
tháng

Bộ GD&ĐT:
50% có việc làm
sau 12 tháng

**VẬY CHẤT LƯỢNG ‘SẢN PHẨM’
CỦA TRƯỜNG TA THẾ NÀO?**

CHUẨN ĐẦU RA

Kỹ năng chuyên môn đạt chuẩn đầu ra theo ngành đào tạo

Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin: có chứng chỉ IC3 trở lên

Kỹ năng cơ bản: Kỹ năng thuyết trình: Kỹ năng lập kế hoạch; Kỹ năng quản lý thời gian...

Năng lực ngoại ngữ: SV chuyên ngành Ngoại ngữ đạt trình độ B2 trong đó có 50% đạt trình độ C1 theo khung tham chiếu Châu Âu;

SV chuyên ngành (không chuyên ngành NN): đạt trình độ B1 trong đó có 30% đạt trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu

SẢN PHẨM CÓ CHẤT LƯỢNG



**Trên 75%
ngành đào
tạo có
chương trình
đạt chuẩn
kiểm định
chất lượng;**



**100% ngành đào tạo
có chương trình
được tham vấn từ
Doanh nghiệp; trong
đó 30% ngành đào
tạo trọng điểm có
chương trình đạt
chuẩn các nước tiên
tiên khu vực hoặc
được các tổ chức
Giáo dục các nước
tiên tiến khu vực
thừa nhận**



**100% ngành
được phép
đào tạo từ 3
năm trở lên
có quy mô
trên (200)
300 học sinh**



**100% ngành
đào tạo được
cập nhật và
điều chỉnh
theo chu kỳ
(2) 3 năm/1
lần**

Chương trình đào tạo

NĂNG LỰC GIẢNG VIÊN

100% có trình độ chuyên môn Đại học chuyên ngành,
trong đó có 10% trình độ thạc sỹ chuyên ngành trở lên

100% có nghiệp vụ sư
phạm

100% giảng viên chuyên ngành Ngoại
ngữ đạt trình độ C1 trong đó có 20% đạt
trình độ C2 theo khung tham chiếu Châu
Âu

100% giảng viên chuyên ngành đạt trình độ B1
trong đó có 50% đạt trình độ B2 theo khung tham
chiếu Châu Âu

100% giảng viên không chuyên ngành công nghệ thông tin
đạt trình độ Tin học IC3 (hoặc tương đương)

Phần đầu đến 2018

Có kế hoạch

Có lộ trình

S TT	HỌ	TÊN LÓT	TÊN	HỌC VỊ	CHUYÊN NGÀNH	NGOẠI NGỮ (TƯƠNG ĐƯƠNG)	TIN HỌC (TƯƠNG ĐƯƠNG)	NV SƯ PHẠM	DẠY ĐÚNG CHUYÊN NGÀNH (HP CƠ SỞ)	DẠY ĐÚNG CHUYÊN NGÀNH (HP CHUYÊN NGÀNH)	ĐẠT/CHƯA CHUẨN "3036"	KẾ HOẠCH (LỘ TRÌNH) NẾU CHƯA ĐẠT
1	Nguyễn	Văn	A	Thạc sỹ	Toán tin	B1	Văn phòng B	Có	Đúng	Đúng	Đạt	
2	Trần	Thị	B	Cử nhân	Luật	Chứng chỉ B	Văn phòng A	Co	Không	Đúng	Chưa	2015-2016
3	Trương	Văn	C	Cử nhân	CNTT	Chứng chỉ B	Cử nhân	Co	Đúng	Đúng	Đạt	

CƠ SỞ HẠ TẦNG



Đảm bảo
diện tích: 2
m²/ học sinh



Có khu vực
sinh viên tự
học



Có khu vực
sinh viên
hoạt động
Văn – Thể -
Mỹ và sinh
hoạt



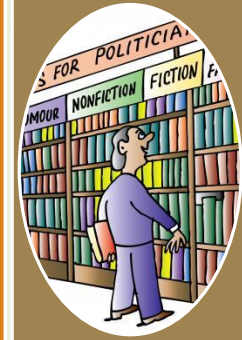
Xưởng thực
hành, thực
tập; phòng
thí nghiệm
và trang
thiết bị phục
vụ giảng
dạy, học tập,
nghiên cứu



Thư viện:
Hoạt động
với số
lượng/người
nhiều hơn
quy mô SV
của
trường



Thư viện điện
tử



Có sách,
tạp chí
chuyên
ngành
trong và
ngoài
nước

PHẢI THỂ HIỆN THẬT RÕ TRONG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT



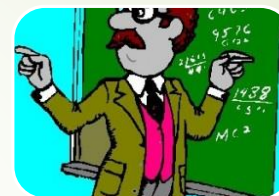
1. Kết quả học tập dự kiến



2. Bảng mô tả chương trình đào tạo



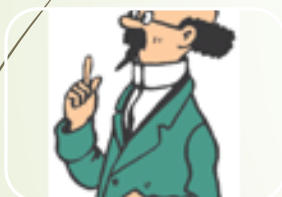
3. Nội dung và cấu trúc chương trình



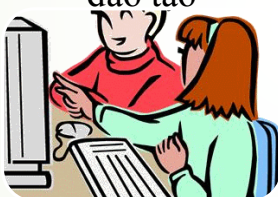
4. Chiến lược dạy và học



5. Đánh giá giảng viên



6. Chất lượng đội ngũ giảng viên



7. Chất lượng đội ngũ hỗ trợ



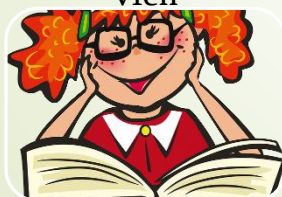
8. Chất lượng sinh viên



9. Tư vấn và hỗ trợ sinh viên



10. Cơ sở vật chất và trang thiết bị



11. Quá trình đảm bảo chất lượng dạy và học



12. Hoạt động phát triển đội ngũ



13. Phản hồi của các bên liên quan



14. Đầu ra



15. Sự hài lòng của các bên liên quan

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Người học

Nhà tuyển dụng

Các bên liên quan

Các yêu cầu

Chuẩn đầu vào

Đầu vào



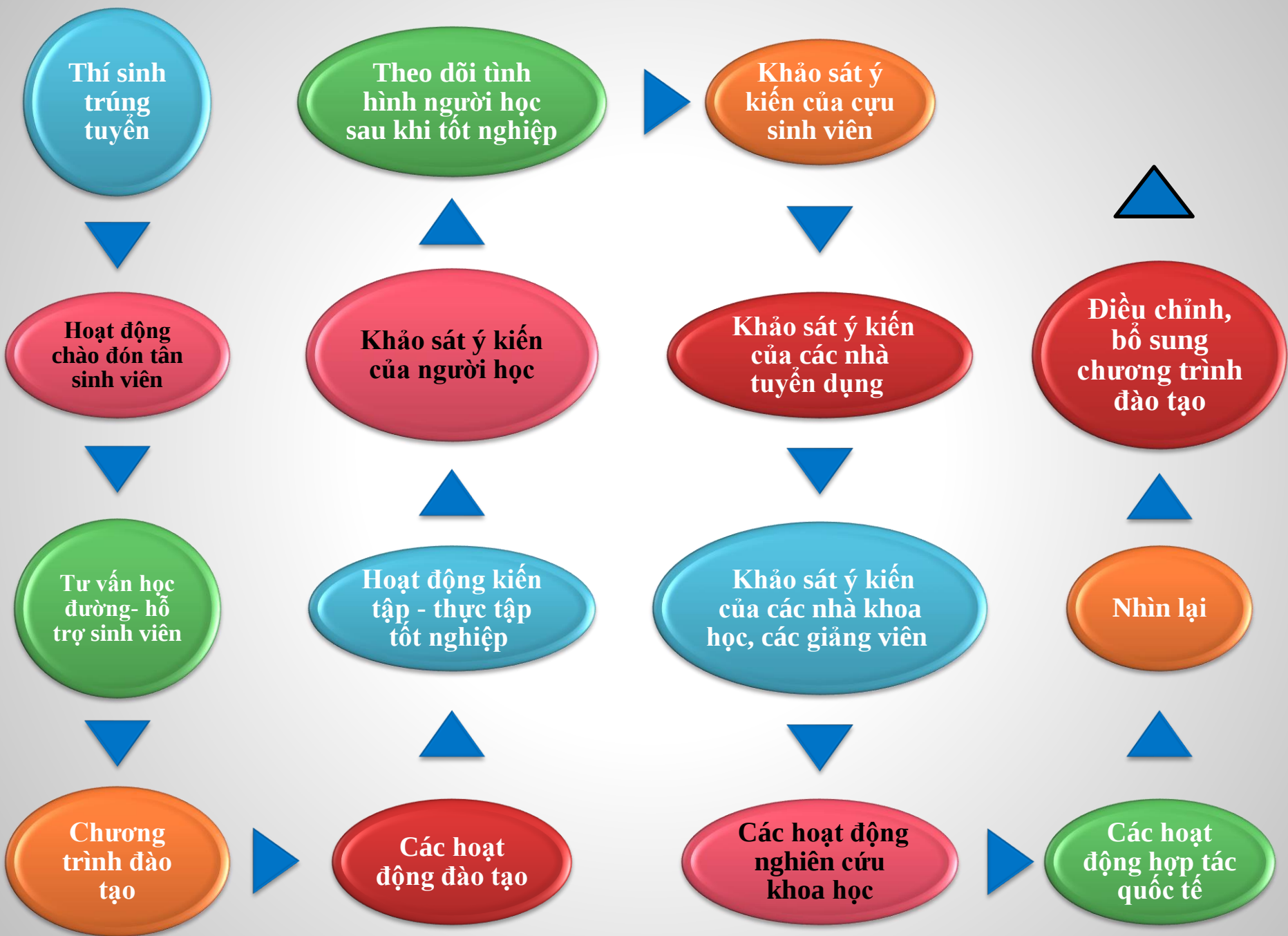
Chuẩn đầu ra

Đầu ra

Ngành đào tạo

Nhu cầu của xã hội

Sự hài lòng





Điều kiện tuyển sinh



Chương trình đào tạo mà cơ sở giáo dục thực hiện



Yêu cầu về thái độ học tập của người học



Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của người học ở cơ sở giáo dục



Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...)



Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục



Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được



Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ theo các ngành đào tạo

Làm sao chứng minh được những gì Trường đã “3 công khai”?

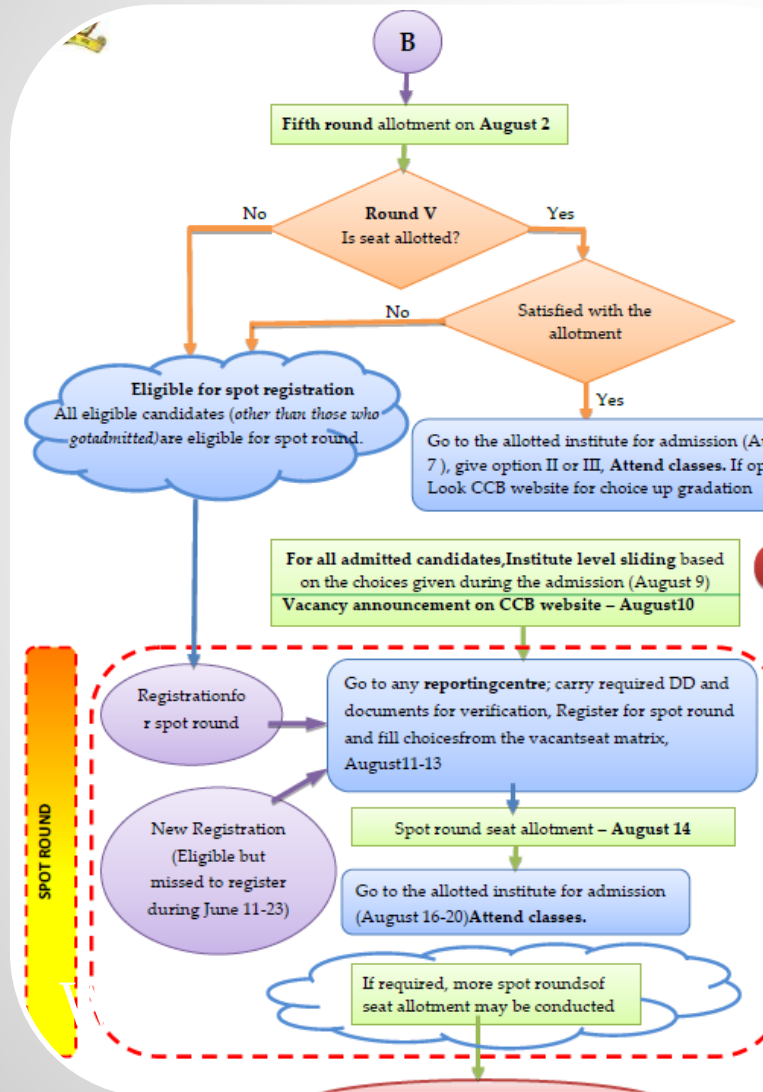
- Đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo của nhà trường.

- Thực hiện phân cấp quản lý cho các đơn vị thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên được phê duyệt tại Quyết định số 3647/QĐ-BGDĐT ngày 10/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TIÊU CHUẨN ‘ISO’ TRONG QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG



QUY TRÌNH HÓA HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THEO TIÊU CHUẨN 'ISO'



Who: Trách nhiệm của ai?



What: Làm việc gì?



When: Vào lúc nào?
Trong bao lâu?



Where: Ở đâu?

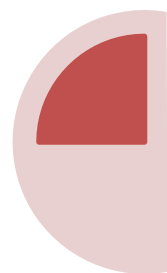


Why: Mục đích là gì?



How: Bằng cách nào?

Quy trình hoá theo “5W1H”



5W1H

Why

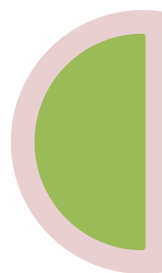
What

When

Whow

Where

Who



5W1H

Mục đích?

Nội dung?

Khi nào, bao lâu?

Như thế nào?

Ở đâu?

Trách nhiệm của ai?

**HỆ THỐNG VĂN BẢN/
HỒ SƠ ĐỂ ĐẠT CHUẨN
'ISO'**



HỆ THỐNG VĂN BẢN/HỒ SƠ ĐỂ ĐẠT CHUẨN 'ISO'



THÔNG LỆ QUỐC TẾ (ĐỀ HỘI NHẬP)



Chứng nhận (certification)



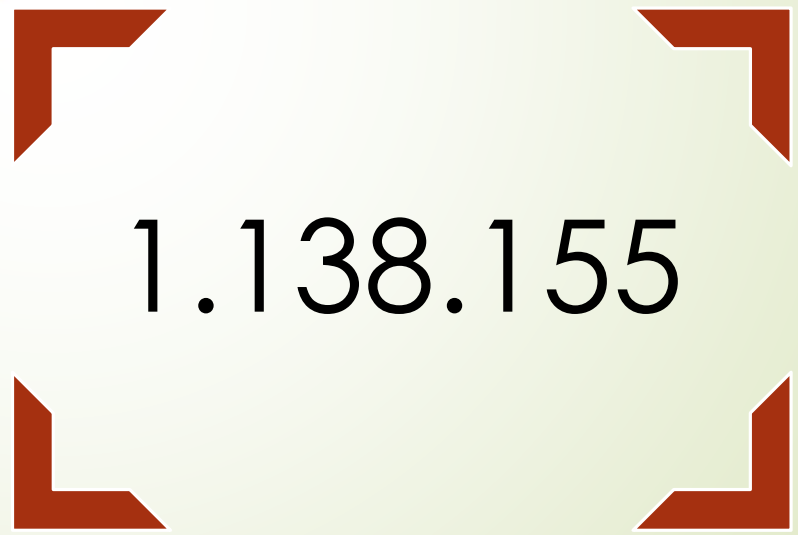
Công nhận (Accreditation)



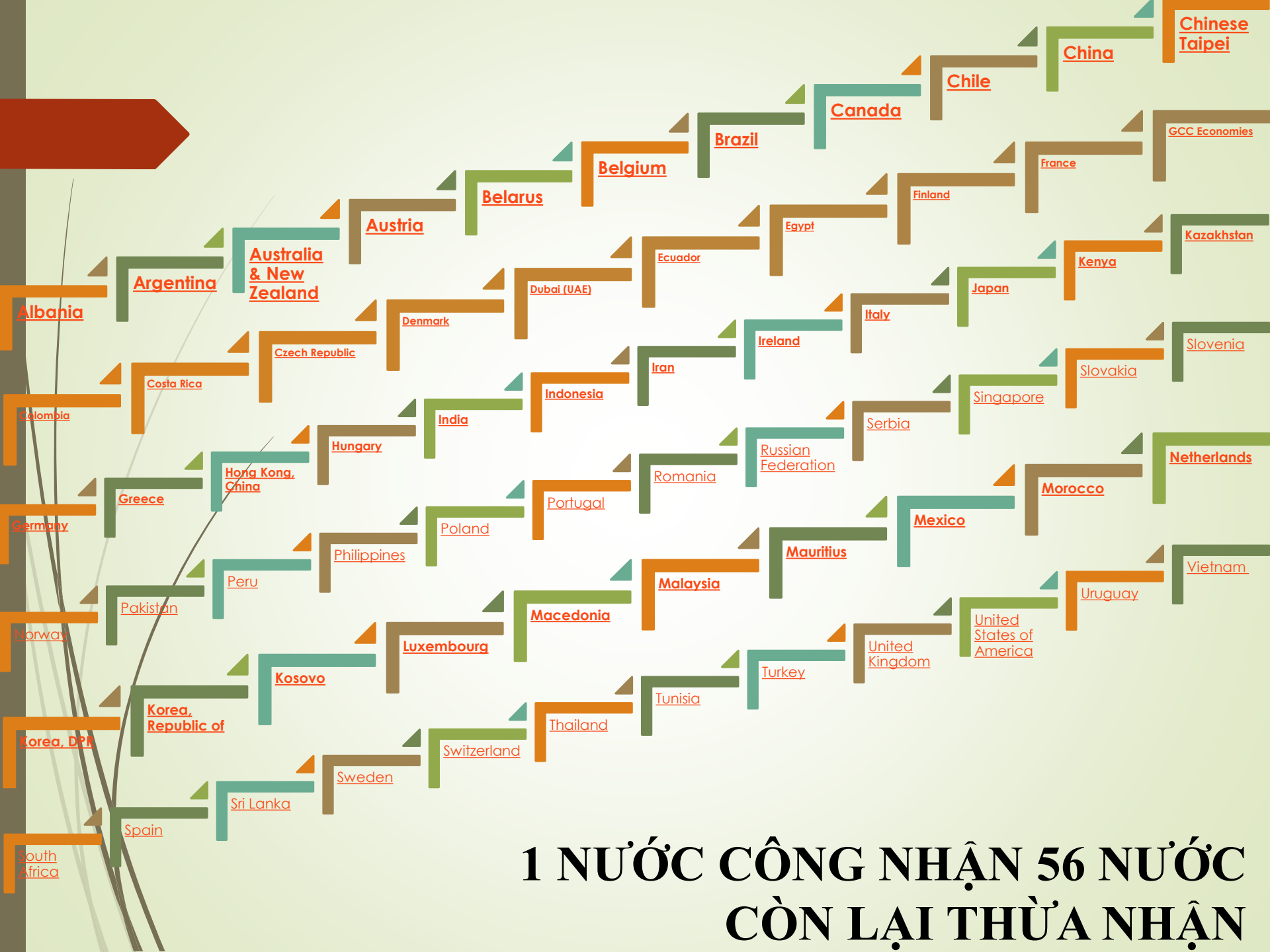
Thừa nhận (Recognition)



NĂM 2014



1.138.155



1 NƯỚC CÔNG NHẬN 56 NƯỚC
CÒN LẠI THỪA NHẬN

DIỄN ĐÀN CÔNG NHẬN QUỐC TẾ (IAF) VỚI CƠ CHẾ THỪA NHẬN KẾT QUẢ CHỨNG NHẬN CỦA NHAU TRÊN PHẠM VI TOÀN CẦU



IAF Multilateral Recognition Arrangement (MLA) Annual Report



Multilateral Recognition Agreements (MLAs) / Mutual Recognition Agreements (MRAs)

MLAs/MRAs are useful tools for policy makers, regulators, industry and conformity assessment bodies (CABs). Despite their popularity, many people are not familiar with the differences between MRAs or MLAs, and how organizations and regulators may benefit from such agreements. Outlined below is a quick lesson on these agreements.

What is an MLA

ISO/IEC Guide 2, Standardization and related activities – General vocabulary, defines an MLA as a "...recognition arrangement that covers the acceptance of each other's results by more than two parties" (ISO/IEC Guide 2, p.62). MLAs are voluntary agreements among accreditation bodies that operate on the basis of the recognition of technical equivalency among signatories. It ensures that procedures meet the requirements of a given standard. An MLA is also a confidence building mechanism as it helps to ensure the competence of CABs in economies importing into the Canadian market, and vice versa.

What is an MRA¹

The development of voluntary MLAs is mirrored by government-to-government MRAs. MRAs are legally binding, negotiated agreements between governments based on specific regulated products. For example, an MRA allows products such as telecommunications equipment in Canada to be tested and certified here to the export market requirements before the product is shipped (Telecommunications Industry Association, MRA Briefs, p. 2).

Benefits of MLAs/MRAs

Despite the differences between the two, there are many common benefits. These include:

- Reducing barriers to trade.
- Increasing Canadian exporters' access to foreign markets.
- Providing manufacturers with an opportunity to test and certify products one time to the requirements of multiple markets.
- Reducing costs and delays associated with duplicate testing of products.
- Ensuring that an accreditation body's program is re-evaluated regularly against best practices.

Overall these agreements lower the costs of doing business, and reduce the burden on both industry and regulatory agencies, thereby facilitating trade. MLAs/MRAs do not require signatory countries to

¹ Some voluntary standardization organizations use the term MRA to describe their agreements.

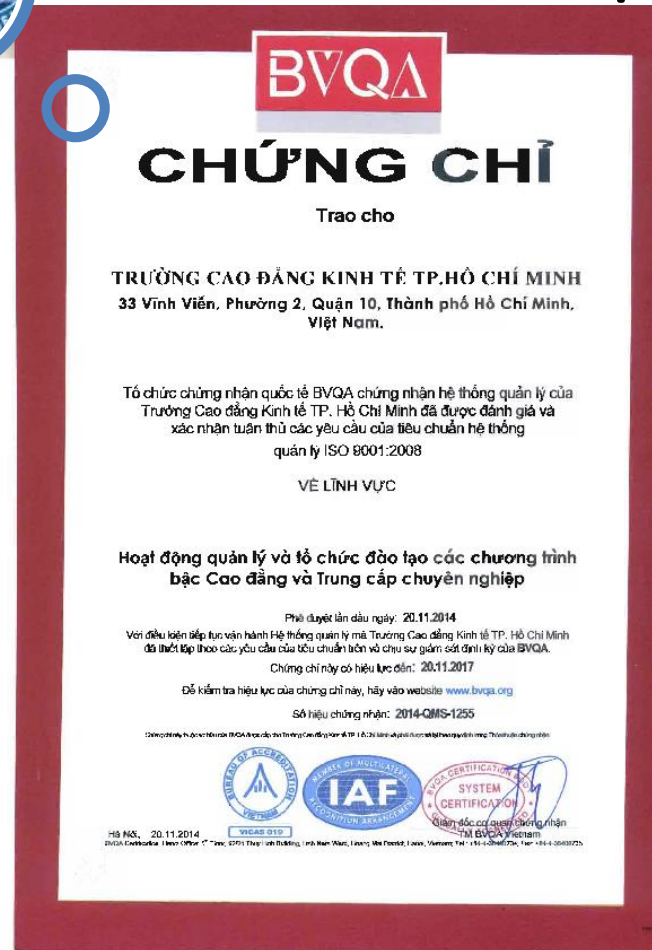
THỂ GIỚI THỪA NHẬN



IAF



1 TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN

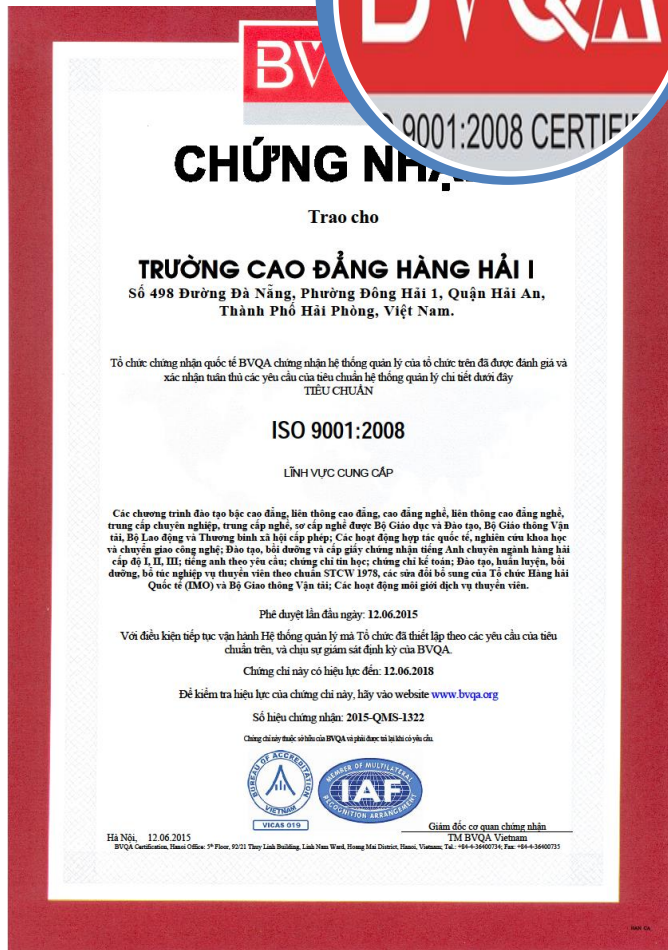


BoA

THỂ GIỚI THƯA NHẬN



1 TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN



IAF

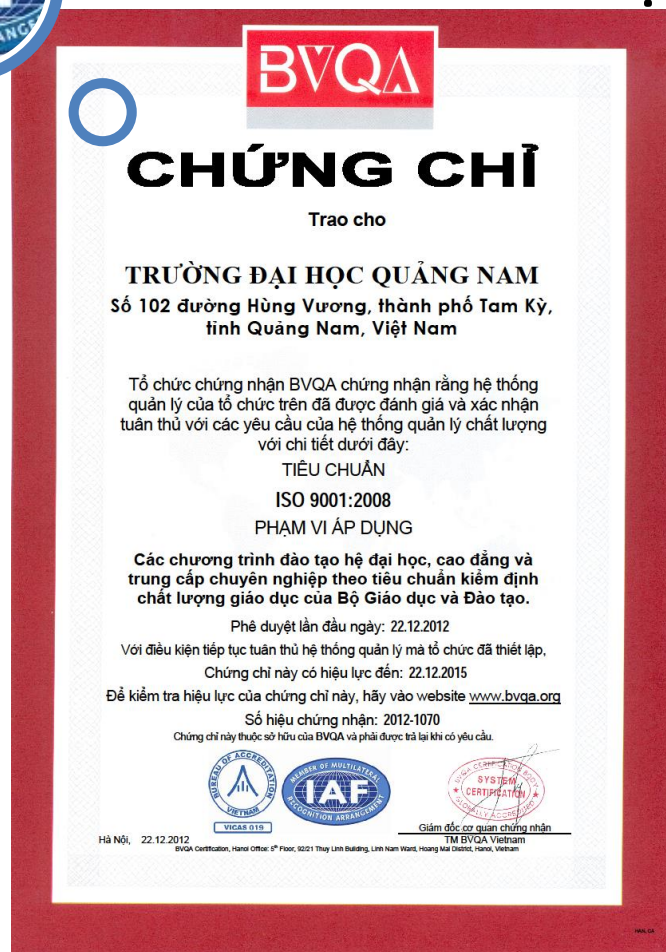


BoA

THỂ GIỚI THỪA NHẬN



1 TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN



IAF

BoA

**Xem lại giảng viên,
cách giảng và các
đánh giá kết quả
học**

**Xem lại HSSV và
cách học**

**NẾU KHÔNG
ĐẠT THÌ SAO?**

**CẢI TIẾN
LIÊN TỤC**

**Khảo sát thêm ý
kiến của các nhà
khoa học, nhà quản
lý, giảng viên, người
học, các DN**

**Tham khảo các
chương trình tiên
tiên trong và ngoài
nước**

**Thiết kế lại chương
trình đào tạo**

MÔ HÌNH
HỆ THỐNG QUẢN LÝ (ĐẢM BẢO) CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN ISO 9001:2008



HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN

HTQLCL
tiêu chuẩn
quốc tế
“ISO”

**Kiểm định
nhà trường
(cơ sở giáo
dục)**

**Kiểm định
Chương
trình của Bộ
GD&ĐT**

👍 Lấy “văn hóa
chất lượng” là
nền tảng
👉 Lấy “CNTT”
là phương tiện

**Kiểm định
chương trình
đào tạo
(AUN-QA)**

**Chức năng –
nhiệm vụ do
Sở GD&ĐT
giao**

QĐ 3036

PHẦN MỀM QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Quản lý chấm công báo giảng
– giờ chuẩn giảng viên

Quản lý ngân hàng câu hỏi
khảo thí và thi trắc nghiệm

Chức năng phân hệ [...] -
Khảo sát sự kiện

Chức năng phân hệ Quản lý
hành chính điện tử

Liên kết với Website & cổng
thông tin trực tuyến

Cổng thông tin giao tiếp CB-
CNV-GV

Cổng thông tin giao tiếp
HSSV đã tốt nghiệp

Cổng thông tin giao tiếp
HSSV

V.V...

Quản lý hồ sơ nhân sự

Quản lý chấm công hành chính
& thanh toán lương – thưởng

Quản lý giảng viên và hợp
đồng mời giảng

Quản lý thanh toán phụ trội

Tuyển sinh

Quản lý học vụ

Tài chánh học vụ

Thời khóa biểu – kế hoạch
giảng viên

Trường
(hoạt động quản lý)

Chương trình
(ngành học)

Trong nước

Quốc tế

Trong nước

Quốc tế

Theo đơn vị (số
lượng) CT đào tạo

KIỂM ĐỊNH



Tiêu chuẩn 1:

Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học (2)

Tiêu chuẩn 2:

Tổ chức và quản lý (7)

Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục (6)

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo (7)

Tiêu chuẩn 5:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên (8)

Tiêu chuẩn 6: Người học (9)

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu KH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7)

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế (3)

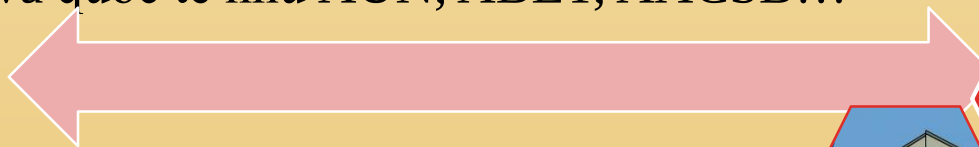
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9)

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính (3)



4.

Khuyến khích các trường triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT đối với một số ngành đào tạo, tiếp cận đánh giá theo tiêu chuẩn của các tổ chức khu vực và quốc tế như AUN, ABET, AACSB...



NỀN GIÁO DỤC CÁC NƯỚC TIỀN TIẾN



AUN

<http://www.aunsec.org/>



❖ ASEAN+3 UNet Member Universities

1. Universiti Brunei Darussalam
2. University of Phnom Penh
3. Royal University of Law and Economics
4. Universitas Airlangga
5. Universitas Gadjah Mada
6. Universitas Indonesia
7. Institut of Teknologi Bandung
8. National University of Laos
9. Universiti Kebangsaan Malaysia
10. Universiti Malaya
11. Universiti Putra Malaysia
12. Universiti Sains Malaysia
13. Yangon University
14. Yangon Institute of Economics
15. Ateneo de Manila University
16. De La Salle University
17. University of the Philippines
18. Nanyang Technological University
19. National University of Singapore
20. Singapore Management University
21. Burapha University
22. Chiang Mai University
23. Chulalongkorn University
24. Mahidol University
25. Vietnam National University, Hanoi
26. Vietnam National University, Ho Chi Minh City

For the Chinese Universities

- Guangxi University
- Guizhou University
- Peking University
- Xiamen University
- Yunnan University

For the Japanese University

- Kyoto University
- Keio University
- Tokyo Institute of Technology

For the Korean Universities

- Daejeon University
- Seoul National University

ABET

- ABET, incorporated as the Accreditation Board for Engineering and Technology, Inc., is a non-governmental organization that accredits post-secondary education programs in "applied science, computing, engineering, and engineering technology" <http://www.abet.org/accreditation/>



*This program is
accredited by
the Engineering
Accreditation
Commission
of ABET.*

THANG ĐIỂM 5

P.D.C.A.

1. Không = 0 = Không có tài liệu và hồ sơ minh chứng gì cả, không có hành động, hoạt động gì cả
2. Plan: Chỉ có tài liệu, có kế hoạch, có quy định, ... thậm chí chỉ dừng lại ở dạng dự thảo văn bản, định hướng theo bộ tiêu chuẩn 3036
3. Do: Đã triển khai theo kế hoạch và văn bản nêu trên
4. Check: không chỉ đã triển khai thực hiện mà không tổ chức kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, sơ kết, báo cáo lãnh đạo để điều chỉnh, bổ sung, cải tiến.
5. Act: Đã thực hiện việc cải tiến



HỘI NHẬP VÀ QUỐC TẾ HÓA

Điểm	Ý nghĩa điểm	Ý nghĩa chất lượng
1	Không có tài liệu, kế hoạch, minh chứng	Hoàn toàn chưa đủ; phải có sự cải thiện ngay lập tức (Absolutely inadequate; immediate improvements must be made)
2	Đang trong giai đoạn hoạch định	Chưa đủ, cần có cải thiện (Inadequate, improvements necessary)
3	Có các tài liệu, nhưng lại không có minh chứng rõ ràng; chưa làm những gì đã hoạch định, đã quy định	Chưa đủ, nhưng những cải thiện bổ sung sẽ đưa đến mức đủ (Inadequate, but minor improvements will make it adequate)
4	Có các hồ sơ, tài liệu và minh chứng rõ ràng	Đủ như mong đợi (Đáp ứng các tiêu chuẩn của AUN-QA) - (Adequate as expected, meeting the AUN-QA guidelines and criteria)
5	Có minh chứng rõ ràng về hiệu quả (tức là không chỉ dừng lại ở mức độ hiệu lực)	Tốt hơn mong đợi - (Better than adequate, exceeding the AUN-QA guidelines and criteria)
6	Là tấm gương điển hình tốt	Là tấm gương điển hình tốt - (Example of best practices)
7	Xuất sắc, vượt trội	Xuất sắc, vượt trội - (Excellent world-class or leading practices)

THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THEO 3036



5-7 = tầm khu vực và quốc tế



4 = Đang sử dụng – vận hành, thỏa mãn yêu cầu của tiêu chí (hình ảnh, văn bản hoàn công – bản giao, số liệu khảo sát – thống kê,...)

To do

or

not to do?

3 = Có triển khai xây dựng (có tiến độ thực hiện, hợp đồng, danh mục, dự toán công trình, kinh phí cấp, kế hoạch triển khai, văn bản nghiệm thu công trình....)



2 = Có kế hoạch (có văn bản tờ trình, có kế hoạch, biên bản, có công văn đồng ý thực hiện...)

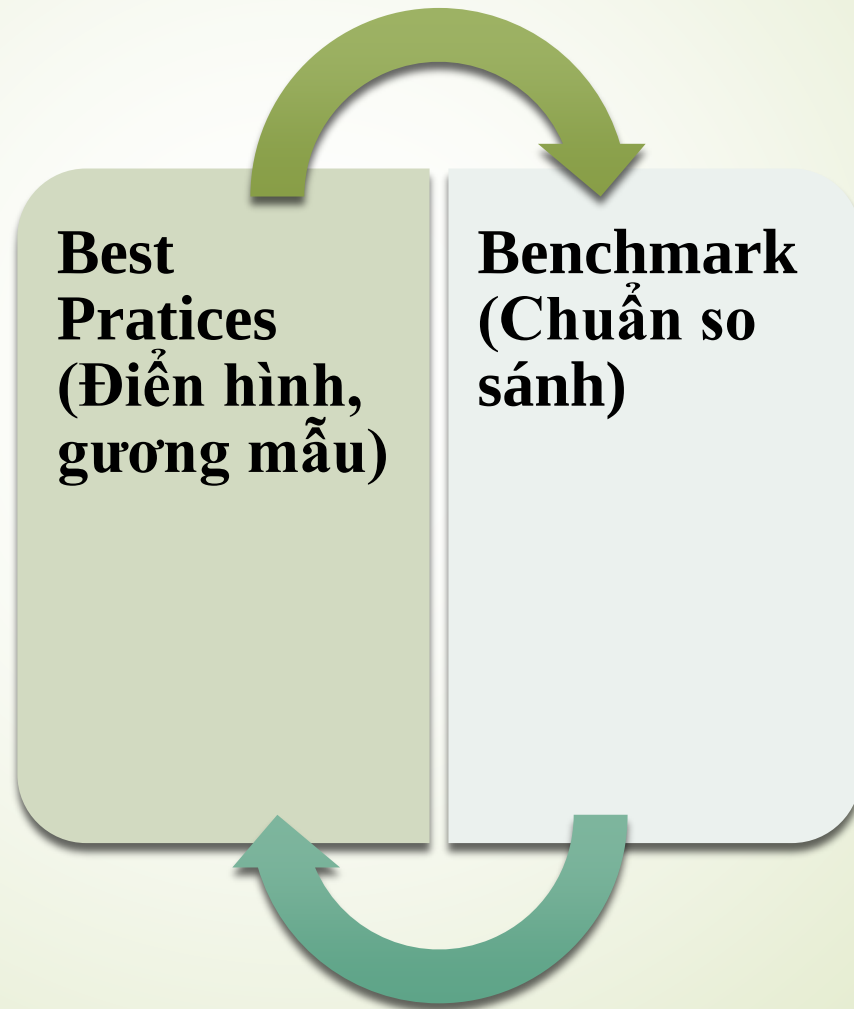


1 = Chưa có hoặc không có (văn bản, kế hoạch, biên bản họp...)

THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THEO 3036



Xuất sắc, vượt trội
Excellent world-class or leading practices



Xuất sắc, vượt trội

Excellent world-class or leading practices



Xuất sắc, vượt trội (Excellent world-class or leading practices)

- Cơ quan kiểm định chất lượng và tiêu chuẩn giáo dục sau trung học (Úc)



Australian Government

Tertiary Education Quality and Standards Agency

Xuất sắc, vượt trội (Excellent world-class or leading practices)

➤ NHẬT BẢN

Tổng số
trường đại
học, cao đẳng
và cao đẳng
nghề: 1198

782 (77%)
trường tư

Kiểm định là
bắt buộc: 7
năm/lần (sau
khi đạt)



Xuất sắc, vượt trội **(Excellent world-class or leading practices)**

NHẬT BẢN

- **Japan Law Foundation (JLP)**
- **NIAD**
- **JUAA**
- **NPO ABEST21**
- **JIILAE**
- **JIME**
- **JUAA**
- **JABEE**
- **NIAD-UE**
- **JACA**
- **JIHEE**
- **V.v...**



Xuất sắc, vượt trội (Excellent world-class or leading practices)

➤ MỸ - TCKĐ QUỐC GIA ĐƯỢC BỘ GD CÔNG NHẬN



Nước Mỹ có đến 52
tổ chức kiểm định



Trong đó 7
tổ chức kiểm
định cấp
vùng là phổ
biến

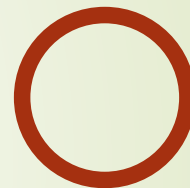
Xuất sắc, vượt trội (Excellent world-class or leading practices)

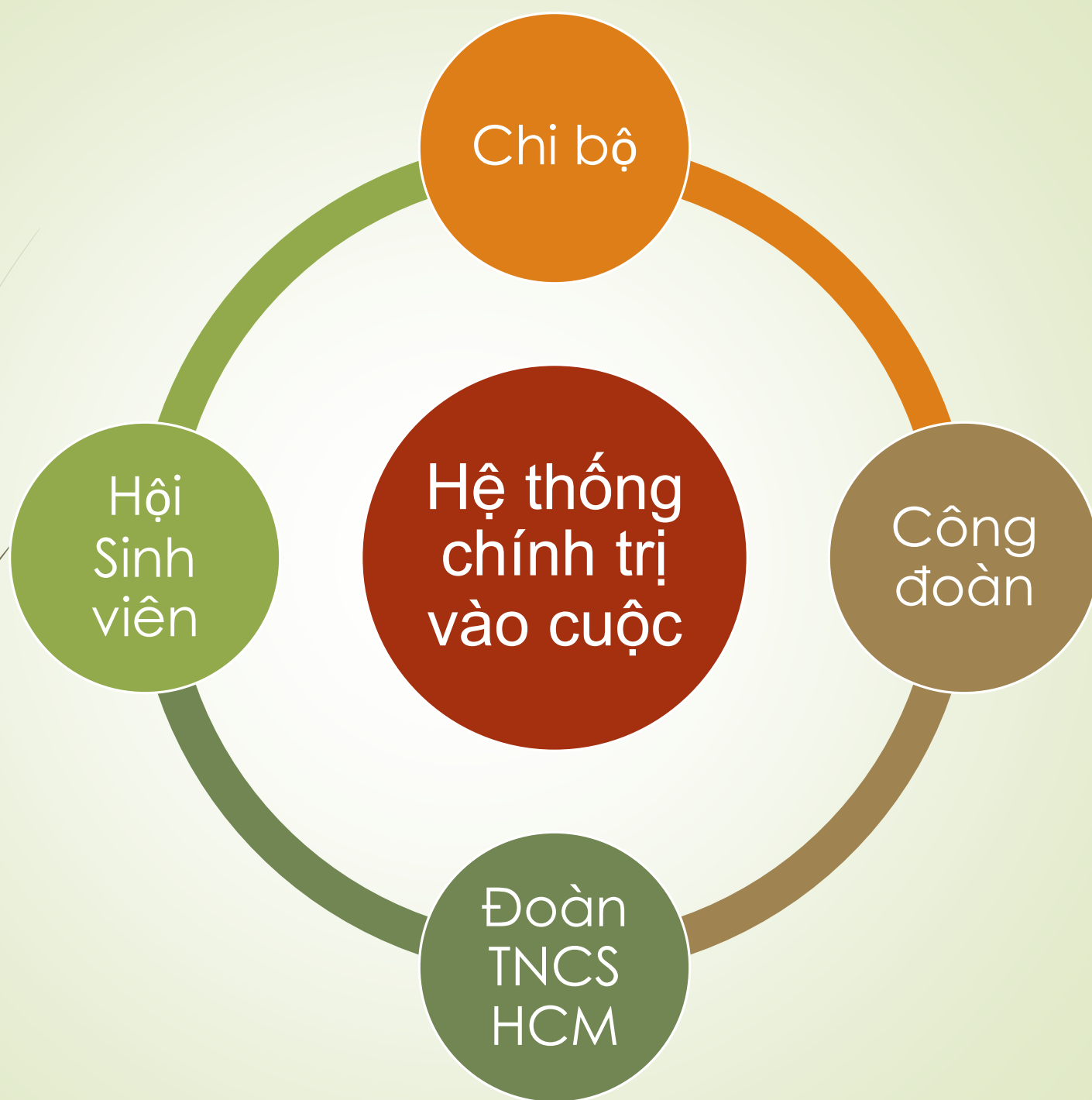


21 trường không được Hoa Kỳ công nhận (có hoạt động tại Việt Nam)

- 1. ĐH quốc tế Adam (Adam International University) thuộc bang Georgia.
- 2. ĐH Akamai (Akamai University) thuộc bang Hawaii.
- 3. ĐH American City (American City University) bang California.
- 4. ĐH Di sản Mỹ (American Heritage University) nằm ở phía nam California.
- 5. ĐH American Pacific (American Pacific University). Đây là ĐH được đặt tại TP.HCM.
- 6. ĐH quốc tế American Pacific (American Pacific University – International) thuộc bang New Mexico/ California.
- 7. ĐH Apollo (Apollo University) bang California.
- 8. ĐH quốc tế Đại Tây Dương (Atlantic International University) thuộc bang Hawaii.
- 9. ĐH Capstone (Capstone University) bang California.
- 10. ĐH Cosmopolitan (Cosmopolitan University).
- 11. ĐH Frederick Taylor (Frederick Taylor University) thuộc bang California.
- 12. ĐH Honolulu (Honolulu University) thuộc bang Hawaii.
- 13. ĐH Irvine (Irvine University) thuộc bang California.
- 14. ĐH Quốc tế Mỹ (International American University) bang California.
- 15. ĐH Kỹ thuật Paramount (Paramount University of Technology) thuộc bang California.
- 16. ĐH Pebble Hills (Pebble Hills University) bang Pennsylvania.
- 17. ĐH Preston (Preston University) bang California.
- 18. ĐH Tây Nam Mỹ (Southwest American University) bang California.
- 19. ĐH Nam Thái Bình Dương (Southern Pacific University) Delaware.
- 20. ĐH quốc tế Washington (Washington International University) bang Pennsylvania.
- 21. ĐH quốc tế Berkeley (Berkeley International University), bang Delaware.

Vậy phải làm gì?





MÔ HÌNH TRƯỜNG TIỀN TIẾN

ĐÀO TẠO

Khung
Chương trình
đào tạo
Tuyển sinh
(Thủ/xét)
Các yêu cầu
đầu vào

ĐỀ CƯƠNG
CHI TIẾT
& GIÁO ÁN
BÀI GIẢNG

ĐĂNG KÝ
HỌC TẬP
THEO HỌC
CHẾ TÍN CHỈ

KIỂM SOÁT
GIẢNG DẠY
TRÊN LỚP

Thi

XÉT
ĐIỀU KIỆN
HỌC TIẾP

THI
KẾT THÚC
HP VÀ TN

KIỂM SOÁT
VÒNG ĐỜI
C/TRÌNH
ĐÀO TẠO

CÔNG
NHẬN
TỐT NGHIỆP

SV tốt nghiệp
có việc làm
đúng ngành

Sự hài lòng
của người học

Các bên quan
tâm (nhà tuyển
dụng, gia đình,
xã hội, ...)

100% ngành được
phép đào tạo từ 3
năm trở lên có
quy mô trên (200)
300 sinh viên

100% chương
trình đào tạo
được tổ chức
theo Học chế
Tín chỉ

100% chương
trình đào tạo được
cập nhật và điều
chỉnh theo chu kỳ
(2) 3 năm/lần

Trên 75%
ngành đào tạo
có chương
trình đạt chuẩn
kiểm định chất
lượng;

100% ngành
đào tạo có
chương trình
được tham vấn
từ Doanh
nghiệp;

trong đó 30% ngành đào tạo
trọng điểm có chương trình đạt
chuẩn các nước tiên tiến khu
vực ASEAN, Quốc tế hoặc
được các tổ chức Giáo dục các
nước tiên tiến khu vực
ASEAN, Quốc tế thừa nhận

Đảm bảo
diện tích: 2
m²/ học sinh

Có khu vực
sinh viên tự
học

Có khu vực sinh viên
hoạt động Văn – Thể
- Mỹ và sinh hoạt

Xưởng thực hành, thực tập; phòng
thí nghiệm và trang thiết bị phục
vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu

Hoạt động với số
lượng/người nhiều hơn
quy mô SV của trường

Thư viện
điện tử

Có sách, tạp chí
chuyên ngành
trong và ngoài nước

Có đội ngũ giảng viên
đúng quy định hiện hành

Có GV cơ hữu đảm bảo tỉ
lệ giảng viên/sinh viên
=1/25

100% GV có trình độ
chuyên môn là Thạc sỹ
chuyên ngành trong đó có
4% đạt trình độ Tiến sĩ

100% GV có nghiệp vụ sư
phạm

100% chuyên ngành Ngoại
ngữ đạt trình độ C1 trong
đó có 30% đạt trình độ C2
theo khung tham chiếu
Châu Âu

100% GV không chuyên
ngành Ngoại ngữ đạt trình
độ B1 trong đó có 50% đạt
trình độ B2 theo khung
tham chiếu Châu Âu

100% GV không chuyên
ngành công nghệ thông tin
có chứng chỉ Tin học IC3
(hoặc tương đương)

100% cán bộ quản lý và
giảng viên có đề tài nghiên
cứu cấp Phong – Khoa,
đơn vị thuộc trường

trong đó 30% cán bộ
quản lý và giảng
viên có đề tài nghiên
cứu cấp trường,

50% đề tài nghiên
cứu được ứng
dụng thực tiễn và
được đánh giá tốt

Có ít nhất 1 đề tài nghiên
cứu khoa học cấp cao
hơn trường/năm và
được nghiệm thu

Có ít nhất 3 Hội
thảo khoa học
cấp Trường,
Thành phố/năm

Có ít nhất 2
đề tài nghiên
cứu của sinh
viên/khóa học

Có ít nhất 1
Hội thảo
Khoa học
quốc gia/năm

Đạt 75% sinh viên tốt
nghiệp có việc làm đúng
ngành đào tạo trong 6
tháng

Đạt 90% sv các ngành đào
tạo trọng điểm tốt nghiệp
có việc làm đúng chuyên
ngành trong 6 tháng

Sinh viên chuyên ngành
Ngoại ngữ đạt trình độ B2
trong đó có 50% đạt trình
độ C1 theo khung tham
chiếu Châu Âu

Sinh viên không chuyên
ngành Ngoại ngữ đạt trình
độ B1 trong đó có 30% đạt
trình độ B2 theo khung
tham chiếu Châu Âu

Năng lực ứng dụng
công nghệ thông tin:
có chứng chỉ IC3 trở
lên

VĂN BẢN LUẬT VÀ DƯỚI LUẬT LIÊN QUAN

Người học – cơ sở sử dụng lao động và các bên quan tâm

Người học – cơ sở sử dụng lao động và các bên quan tâm

TRÁCH NHIỆM CỦA LÃNH ĐẠO
(Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu – Nguồn lực – kiểm soát – đảm bảo)

ĐÀO TẠO

Khung
Chương trình
đào tạo

Tuyển sinh
(Thi/xét)

Các yêu cầu
đầu vào

ĐỀ CƯƠNG
CHI TIẾT
&
GIÁO ÁN
BÀI GIẢNG

ĐĂNG KÝ
HỌC TẬP
THEO HỌC
CHẾ TÍN CHỈ

KIỂM SOÁT
GIẢNG DẠY
TRÊN LỚP

Thi

XÉT
ĐIỀU KIỆN
HỌC TIẾP

THI
KẾT THÚC
HP VÀ TN

KIỂM SOÁT
VÒNG ĐỜI
C/TRÌNH
ĐÀO TẠO

CÔNG
NHẬN
TỐT NGHIỆP

SV tốt nghiệp
có việc làm
đúng ngành

Sự hài lòng
của người học

Các bên quan
tâm (nhà tuyển
dụng, gia đình,
xã hội, ...)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẦN PHẢI:

1. Đúng
quy định
hiện
hành.

2. Ý kiến
các nhà
khoa học
chuyên
môn

3. Ý kiến
của
giảng
viên

4. Ý kiến
của cán
bộ quản
lý

5. Đại
diện của
các tổ
chức xã
hội - nghề
nghiệp –
giáo dục

6. Nhà
tuyển
dụng lao
động

7. Người
đã tốt
nghiệp

8. Các
trường
đại học có
uy tín
trong
nước
hoặc trên
thế giới

9. Thực
trạng
KT-XH
của địa
phương
& đất
nước

VĂN BẢN LUẬT VÀ DƯỚI LUẬT LIÊN QUAN

Người học – cơ sở sử dụng lao động và các bên quan tâm

Người học – cơ sở sử dụng lao động và các bên quan tâm

THỂ NÀO LÀ TRƯỜNG ‘TIÊN TIẾN’?



**1. Cơ sở
giáo
dục tiến
hành tự
đánh
giá**

**2. Công
bố báo
cáo tự
đánh
giá
trong
nội bộ
cơ sở
giáo
dục
(CSGD)**

**3. Triển
khai các
hoạt
động
sau khi
hoàn
thành
báo cáo
tự đánh
giá**

**4. CSGD
đăng ký
đánh
giá
ngoài
với một
tổ chức
kiểm
định
(TCKĐ)
chất
lượng
giáo
dục
(CLGD)
và đề
nghị
xem xét
công
nhận
đạt tiêu
chuẩn
CLGD**

**5. TCKĐ
lượng
giáo
dục tiến
hành
đánh
giá
ngoài**

**6. Đánh
giá lại
kết quả
đánh
giá của
đoàn
đánh
giá
ngoài**

**7 CSGD
thực
hiện kế
hoạch
cải tiến,
nâng
cao
CLGD**

**8. Hội
đồng
kiểm
định
chất
lượng
giáo
dục của
TCKĐ
chất
lượng
giáo
dục
thẩm
định, đề
nghị
công
nhận
hoặc
không
công
nhận
CSGD
đạt tiêu
chuẩn
CLGD**

**9. Công
khai kết
quả
triển
khai
kiểm
định
CLGD**



1.4.1. Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong **nội bộ** cơ sở giáo dục ít nhất 2 tuần để các cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên và người học có thể đọc và góp ý kiến.

1.4.2. Thu thập và xử lý các ý kiến thu được sau khi công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Mô tả &
phân tích

Điểm
mạnh

Đánh giá:
Đạt/chưa
đạt

Kế hoạch
cải tiến

Tồn tại

Tự
đánh
giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

(Phạm vi 2 - 3 trang)

Tiêu chuẩn :

.....

...

Tiêu chí :

.....

...

1. Mô tả và phân tích các hoạt động của trường liên quan đến tiêu chí, so sánh đối chiếu với mặt bằng chung, với chính nhà trường trong các năm trước, với các quy định chung:

.....

...

.....

....

2. Điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy:

.....

...

3. Những tồn tại, giải thích nguyên nhân:

.....

...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng (*những vấn đề cần cải tiến, những biện pháp cần thực hiện*):

.....

...

5. Tự đánh giá:

Đánh dấu vào 1 trong các ô dưới đây: ☐ Đạt ☐ Chưa đạt



3. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

3.1. Thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

3.2. Hằng năm, báo cáo tự đánh giá được cập nhật theo hiện trạng của cơ sở giáo dục (dưới dạng báo cáo bổ sung hằng năm) và lưu trữ trong thư viện của cơ sở giáo dục.

3.3. Tiến hành các hoạt động cải tiến chất lượng cho đến khi điều kiện chín muồi (quay vòng lại bước 1.3)

5. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tiến hành đánh giá ngoài

5.1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ký hợp đồng với cơ sở giáo dục để thẩm định báo cáo tự đánh giá. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và các hồ sơ liên quan cho tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định.

5.2. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định báo cáo tự đánh giá, trả kết quả thẩm định cho cơ sở giáo dục với các trường hợp sau:

Báo cáo tự đánh giá không đáp ứng các yêu cầu về hình thức và nội dung. Cơ sở giáo dục cần tiếp tục hoàn thiện;

Báo cáo tự đánh giá đã đáp ứng yêu cầu. Có thể triển khai đánh giá ngoài.

5.3. Trong trường hợp báo cáo tự đánh giá đã đáp ứng yêu cầu, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cùng cơ sở giáo dục thỏa thuận ký hợp đồng đánh giá ngoài (Đây là hợp đồng thứ 2)

Thành lập đoàn đánh giá ngoài

Nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá; Đoàn đánh giá ngoài nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và hồ sơ liên quan của cơ sở giáo dục; thu thập, xử lý các thông tin, minh chứng liên quan đến các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục;

Khảo sát sơ bộ tại cơ sở giáo dục;

Khảo sát chính thức tại cơ sở giáo dục;

Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, gửi cho cơ sở giáo dục để tham khảo ý kiến (trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở giáo dục nhận được dự thảo báo cáo);

Hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài:

- Gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục biết những ý kiến đã được tiếp thu hoặc báo lưu. Trường hợp báo lưu ý kiến phải nêu rõ lý do;

- Nộp báo cáo đánh giá ngoài cùng các hồ sơ liên quan (nếu có) cho Giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chính thức gửi báo cáo đánh giá ngoài cho cơ sở giáo dục và đề nghị thành lý hợp đồng.

Thành lập đoàn đánh giá ngoài

Nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá: Đoàn đánh giá ngoài nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và hồ sơ liên quan của cơ sở giáo dục; thu thập, xử lý các thông tin, minh chứng liên quan đến các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục;

Khảo sát *sơ bộ* tại
cơ sở giáo dục;

Khảo sát *chính thức*
tại cơ sở giáo dục;

Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài,
gửi cho cơ sở giáo dục để tham khảo
ý kiến (trong thời hạn 15 ngày làm
việc kể từ ngày cơ sở giáo dục nhận
được dự thảo báo cáo):

Hoàn thiện báo cáo
đánh giá ngoài:

- Gửi văn bản thông
báo cho cơ sở giáo dục
biết những ý kiến đã
được tiếp thu hoặc bảo
lưu. Trường hợp bảo
lưu ý kiến phải nêu rõ
lý do;

6. Đánh giá lại kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo đánh giá ngoài và đề nghị **thanh lý hợp đồng** của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, cơ sở giáo dục được quyền đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đánh giá lại kết quả đánh giá ngoài khi đồng thời có các vấn đề sau:

Kết quả đánh giá ngoài dẫn đến cơ sở giáo dục **không đạt** được yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 27 của Quy định này như dự kiến của cơ sở giáo dục;

Cơ sở giáo dục **không nhất trí với một phần hay toàn bộ** bản báo cáo đánh giá của đoàn đánh giá ngoài.

Đoàn **đánh giá lại** kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thành lập với số lượng, thành phần đáp ứng yêu cầu như đoàn đánh giá ngoài.

Các thành viên đã tham gia đoàn đánh giá ngoài tại cơ sở giáo dục không tham gia đoàn đánh giá lại.

Đoàn đánh giá lại có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu làm việc của đoàn đánh giá ngoài, thảo luận với các thành viên của đoàn đánh giá ngoài;

Tiến hành khảo sát tại cơ sở giáo dục, thảo luận với lãnh đạo cơ sở giáo dục, Hội đồng tự đánh giá và viết báo cáo đánh giá lại kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài.

7.1. Hợp toàn thể

Hội đồng do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền chủ trì để thực hiện các công việc sau:

a) Nghe báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài, đánh giá lại (nếu có) và những vấn đề cần tập trung thảo luận;

b) Thảo luận về các nội dung: Kết quả tự đánh giá; kết quả đánh giá ngoài, đánh giá lại kết quả đánh giá ngoài (nếu có); dự thảo nghị quyết của Hội đồng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục;

7.2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi có kết quả thẩm định, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm gửi cho cơ sở giáo dục đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục, kiến nghị của Hội đồng về việc đề nghị cơ sở giáo dục khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

7.3. Đối với trường hợp chưa có ít nhất một khóa sinh viên tốt nghiệp, cơ sở giáo dục sử dụng kết quả thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục vào việc tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Đối với trường hợp đã có ít nhất một khóa sinh viên tốt nghiệp, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận được các văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ sở giáo dục có văn bản phản hồi gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo một trong ba trường hợp sau:

a) Nhất trí với nội dung của nghị quyết và kiến nghị của Hội đồng; đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục;

b) Nhất trí với nội dung nghị quyết và kiến nghị của Hội đồng; cơ sở giáo dục có kế hoạch khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trong thời gian tới;

c) Không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ nội dung nghị quyết và kiến nghị của Hội đồng; đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét lại.

7.4. Đối với trường hợp được quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở giáo dục, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công khai kết quả đánh giá ngoài, nội dung nghị quyết và kiến nghị của Hội đồng trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Sau 30 ngày công bố, nếu không có các khiếu nại, tố cáo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ra quyết định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho cơ sở giáo dục; nếu có các khiếu nại, tố cáo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục rà soát lại toàn bộ quy trình và hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục trước khi quyết định cấp hay không cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho cơ sở giáo dục.

Đối với trường hợp được quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm giải thích về nội dung nghị quyết và kiến nghị của Hội đồng khi cơ sở giáo dục yêu cầu; tư vấn, giúp đỡ cơ sở giáo dục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

Đối với trường hợp được quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có kế hoạch xem xét lại nội dung nghị quyết và kiến nghị của Hội đồng trong phiên họp định kỳ gần nhất theo quy trình quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Điều này.

8. Công khai kết quả triển khai kiểm định chất lượng giáo dục

Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Công bố công khai kết quả đánh giá ngoài, nội dung nghị quyết và kiến nghị của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ít nhất 30 ngày trước khi cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho cơ sở giáo dục (không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục cần được bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước);

Công bố công khai Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho cơ sở giáo dục và duy trì trên trang thông tin điện tử ít nhất 5 năm.

Cơ sở giáo dục:

Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ cơ sở giáo dục ít nhất 30 ngày trước khi đăng ký đánh giá ngoài với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

Công bố công khai Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục chậm nhất 30 ngày sau khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục (không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục cần được bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước).

Bộ Giáo dục và Đào tạo công khai danh sách các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

NGUYÊN TẮC CÔNG NHẬN THEO 3036

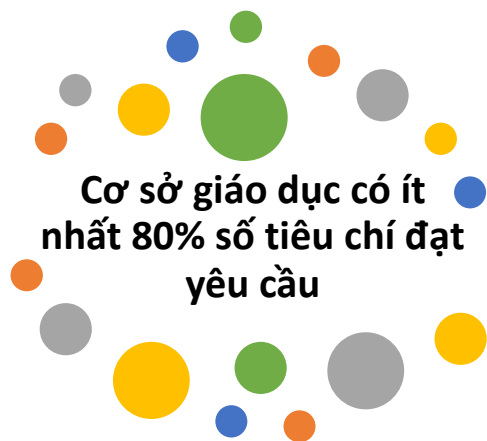
Điểm trung
bình các
tiêu chí đạt
từ 4.0



không có
tiêu chí nào
có điểm
dưới 4.

CÔNG
NHẬN

CÔNG NHẬN KIỂM ĐỊNH



**Cơ sở giáo dục có ít
nhất 80% số tiêu chí đạt
yêu cầu**



*Một tiêu chí đạt: đáp ứng
tất cả các yêu cầu (tiêu chí
con) nêu trong tiêu chí đó.*



**Trong đó mỗi
tiêu chuẩn có
ít nhất một
tiêu chí đạt
yêu cầu theo
kết quả đánh
giá chất lượng
giáo dục của
Hội đồng kiểm
định chất
lượng giáo
dục.**

CÔNG NHẬN

6 năm kể
từ ngày
ký.

kiểm tra
định kỳ 3
năm/1
lần

Nếu
không
giữ vững
và phát
huy được
kết quả,
UBND
TP.HCM
ra quyết
định xóa
tên trong
danh
sách
trường
đạt tiêu
chí.

Hết thời
hạn 6
năm kể
từ ngày
ký quyết
định, các
trường
làm thủ
tục đề
nghị các
cấp quản
lý kiểm
tra công
nhận lại
trường

THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

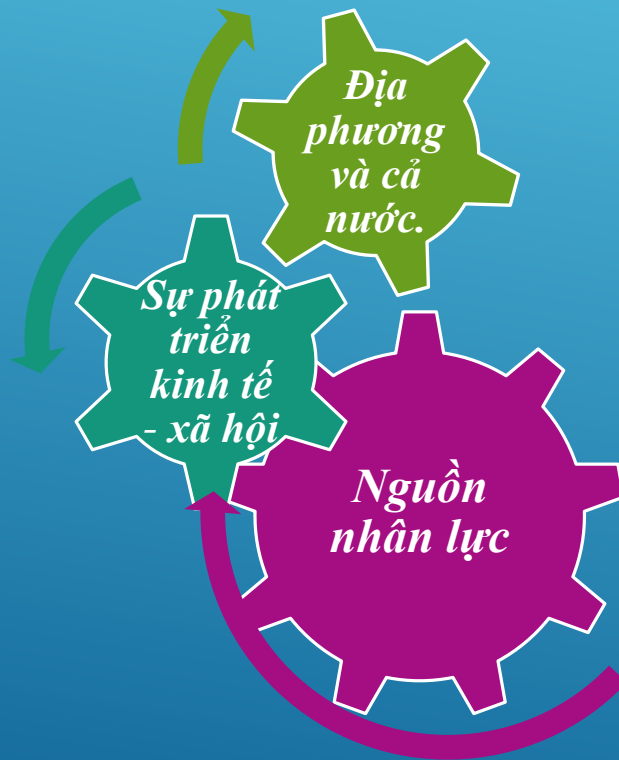


THỂ NÀO LÀ TRƯỜNG ‘TIÊN TIẾN’?



Trung Tâm Chất Lượng Quốc Tế

International Quality Center



Xin cảm ơn!

TS. Vương Lập Bình
Giám đốc Trung tâm Chất lượng Quốc tế
Kiểm định viên Kiểm định chất lượng giáo
dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tiến sỹ Khoa học (Ph.D.) ĐH Nghiên cứu chuyên ngành Nam California – Southern California University for Professional Studies (SCUPS) – năm 2004
- Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh (DBA) ĐH Nghiên cứu chuyên ngành Nam California – Southern California University for Professional Studies – năm 2001
- Thạc sỹ Quản trị học (MA) – Trường Thương mại Solvay Business School - Université Libre de Bruxelles (U.L.B) – ĐH Tự do Bruxelles (Bỉ) – năm 1999